

Bản án số: 983/2023/HC-PT

Ngày 17 - 11 - 2023

“V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về quản lý
đất đai trong trường hợp bồi thường,
hỗ trợ khi thu hồi đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 633/2023/TLPT-HC ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2886/2023/QĐPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ D, ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn Ô, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số B, L, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (văn bản ủy quyền ngày 14/11/2023): Ông Nguyễn Lê Quốc T - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có mặt).

Địa chỉ: Số D, đường C tháng D, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố P: Ông Trương Quốc T1 - Chức vụ: Trưởng Ban Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố P (có mặt).

- *Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, ông Huỳnh Văn Ô là người đại diện cho người khởi kiện trình bày:

Đối với diện tích đất 25.856m² của ông Nguyễn Văn S có nguồn gốc từ năm 1989 do ông Tống Văn C (chú vợ của ông S) sử dụng trồng Đào. Đến năm 1996 ông C cho lại ông S, đất tọa lạc tại ấp C, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Năm 2005, 2006 có chủ trương kê khai đo đạc đất, ông đã đăng ký và được đo đạc theo sơ đồ 15 với diện tích 28.117m², thuộc thửa số 222, tờ bản đồ 12.

Khi ông C ủy quyền cho đất cho ông thì trên đất có 103 cây Đào, khi nhận đất ông tiếp tục quản lý sử dụng và trồng thêm Đào, T2 bông vàng.

Phần đất này nằm trong dự án Khu D nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường thường theo quy định nên ông làm đơn yêu cầu chính quyền huyện P thu hồi đất và lập phương án bồi thường cho ông theo quy định.

Ngày 25/9/2015, đoàn công tác liên ngành của huyện P có đến thửa đất của ông để đo vẽ, kiểm kê diện tích đất và cây trồng trên đất.

Ngày 20/01/2017, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định thu hồi đất số 1019/QĐ-UBND thu hồi 25.856m² của ông để thực hiện dự án. Tuy nhiên, ông chờ mãi mà không thấy UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi. Từ đó, ông đã gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện P nhiều lần để yêu cầu Ủy ban bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi theo quy định pháp luật.

Đến năm 2021 ông mới biết được ngày 20/02/2017 UBND huyện P ban hành Quyết định số 1963/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông với số tiền 0 đồng. Ông biết được là do cán bộ ban bồi thường cho ông biết nên đã gửi đơn khiếu nại quyết định số 1963 của UBND huyện P, đến ngày 09/4/2021 Ủy ban nhân dân thành phố P có văn bản số 1320/VP-NCPC về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn S, với nội dung: Chủ tịch UBND thành phố P giao cho Phòng T7 khẩn trương kiểm tra, tham mưu cho UBND thành phố P giải quyết theo quy định. Tuy nhiên, ông có lên liên hệ thì cán bộ một cửa UBND thành phố P và cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường kêu ông đợi vì có rất nhiều

đơn khiếu nại chưa làm kịp. Ông chờ đợi mãi mà không thấy giải quyết nên ông không yêu cầu UBND Phú Quốc giải quyết tiếp và yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1963/QĐ- UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông với số tiền 0 đồng. Đồng thời yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi và cây trồng trên đất cho ông theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện UBND thành phố P trình bày ý kiến:

Để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu D tại ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Năm 2009 Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh K phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức đo đạc kiểm kê diện tích đất đai, cây trồng, vật kiến trúc cho các hộ dân trong khu quy hoạch dự án khu D tại ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Khi đo đạc, kiểm kê diện tích đất đai ông Nguyễn Văn S không kê khai, đo đạc phần diện tích đất nào trong khu quy hoạch dự án mà chỉ kê khai 09 ngôi mộ trên đất.

Ngày 16/9/2010 UBND huyện P ban hành Quyết định số 3496/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu D do Công ty TNHH M làm chủ đầu tư (Trong đó: Hộ ông Nguyễn Văn S chỉ lập phương án bồi thường 09 ngôi mộ, không lập phương án về đất đai, cây trồng).

Ngày 01/12/2010 UBND huyện P ban hành Quyết định số 4336/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu D do Công ty TNHH M làm chủ đầu tư đối với hộ ông Nguyễn Văn S (bồi thường 09 ngôi mộ) với tổng số tiền là 55.000.000 đồng (gồm 07 mộ đất và 02 mộ đá), ông S chưa nhận tiền.

Ngày 05/01/2011 Ban Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập Biên bản phúc tra đối với hộ ông Đào Xuân D (01 mộ đất), bà Thi Thị Hồng H1 (04 mộ đất), bà Thị L (01 mộ đất), bà Cao Thị B (01 mộ đất), bà Võ Thị H2 (01 mộ đất) và bà Bùi Thị T3 (01 mộ đất). Tổng cộng 09 ngôi mộ đất, do trước đây ông Nguyễn Văn S kê khai và đứng tên phương án.

Ngày 11/3/2013 UBND huyện P ban hành Quyết định số 1591/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung và thu hồi kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu D do Công ty TNHH M làm chủ đầu tư,

Ngày 15/4/2013 UBND huyện P ban hành Quyết định số 2220/QĐ-UBND về việc thu hồi tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu D do Công ty TNHH M làm chủ đầu tư với tổng số tiền thu hồi tiền bồi thường 55.000.000 đồng (gồm 07 mộ đất và 02 mộ đá) đối với ông Nguyễn Văn S.

Sau khi có Quyết định phê duyệt phương án và Quyết định thu hồi tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu D do Công ty TNHH M làm chủ đầu tư

tại xã C, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang ông Nguyễn Văn S gửi đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất đến Chủ tịch UBND huyện P.

Ngày 25/9/2015 Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND xã C cùng các ngành có liên quan lập Biên bản phúc tra đất và cây trồng trên đất đối với hộ ông Nguyễn Văn S trong khu quy hoạch dự án khu D do Công ty TNHH M làm chủ đầu tư tại xã C, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang đối với diện tích 26.514,5m² (bao gồm diện tích 657,6m² của gia đình bà Phù Thị T4).

Ngày 16/12/2015 UBND xã C lập Biên bản xác minh nguồn gốc đất đối với hộ ông Nguyễn Văn S thuộc dự án khu du lịch sinh thái V đối với diện tích 26.514,5m² theo Biên bản phúc tra ngày 25/9/2015. Kết quả nguồn gốc đất do địa phương xác nhận: “Trước năm 1986 khu vực đất làm trạm xe be. Sau năm 1986 do ban nông nghiệp xã trồng Đào. Từ năm 1986 đến năm 2011 là đất Nhà nước Quản lý. Trầm bông vàng trên đất do bay bổng tự mọc. Năm 2011 đến nay ông S không canh tác mà tự động đứng ra kê khai phần đất này Nhà nước quản lý”.

Ngày 29/7/2016 UBND huyện P ban hành Biên bản số 210/BB UBND, về việc giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai của công dân trong đó có hộ ông Nguyễn Văn S với nội dung: “Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất diện tích 25.856m² của ông Nguyễn Văn S. Sau khi ban hành quyết định thu hồi đất, giao Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện lập phương án bồi thường và tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định bồi thường với số tiền 0 đồng đối với ông Nguyễn Văn S. Đồng thời, giao UBND xã C vận động hộ ông S chấp hành giao đất cho Nhà nước”.

Ngày 20/01/2017 UBND huyện P ban hành Quyết định số 1017/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu D do Công ty TNHH M làm chủ đầu tư.

Ngày 20/01/2017 UBND huyện P ban hành Quyết định số 1019/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn S để thực hiện dự án khu D do Công ty TNHH M làm chủ đầu tư đối với diện tích thu hồi 25.856m².

Ngày 20/02/2017 UBND huyện P ban hành Quyết định số 1963/QĐ-UBND về việc bổ sung trợ và tái định cư dự án khu du lịch sinh thái bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Công ty TNHH M làm chủ đầu tư tại xã C, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang với số tiền bồi thường 0 đồng.

Ý kiến của UBND thành phố P: Việc UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1963/QĐ/UBND ngày 20/02/2017 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Văn S là đúng quy trình và quy định pháp luật. Nay UBND thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tuyên xữ bác toàn bộ nội dung khiếu kiện của ông Nguyễn Văn S.

Trên đây là ý kiến của UBND thành phố P đối với nội dung khiếu kiện vụ án hành chính của ông Nguyễn Văn S. Đồng thời, cung cấp danh mục tài liệu, chứng cứ kèm theo Công văn, gửi đến Tòa án nhân dân Kiên Giang xem xét, quyết định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 77, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.
2. Hủy Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn S với số tiền 0 đồng.
3. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi diện tích 25.856m² tại ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Văn S sử dụng. Cụ thể: Lập, thẩm định phương án, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn S đối với diện tích đất 25.856m² tại ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2023, Ủy ban nhân dân thành phố P có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Đại diện cho người bị kiện ông Nguyễn Lê Quốc T trình bày: Án sơ thẩm nhận định là không có căn cứ vì không xác định được cây trồng trên đất là do ai trồng, không xác định được tuổi cây trồng trên đất. Năm 2015 khi có cháy thì ông S có báo chính quyền địa phương và công an xã có lập biên bản ghi nhận sự việc, nhưng ghi là cây loại C và diện tích cây trồng phù hợp với lúc ông S vào

canh tác năm 2011. Thừa nhận kết quả giám định tuổi cây của Trường Đại học N là đúng nhưng không biết do ai trồng. Những lời xác nhận của người làm chứng là không phù hợp biên bản xét duyệt của hội đồng xét duyệt của xã. Diện tích đất 25.856m² là đất chưa ai sử dụng, chưa đăng ký.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S. Vì đất ông S không có quá trình sử dụng, đất do nhà nước quản lý, cây trồng trên đất do tự mọc và ông S chỉ sử dụng khoảng năm 2011 trở lại đây.

Đại diện người khởi kiện ông Huỳnh Văn Ô trình bày: Các nhận định của bản án sơ thẩm là phù hợp với quá trình sử dụng đất của ông S, phù hợp với những người làm chứng. Trong quá trình sử dụng đất ông S không bị xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất, số cây trồng trên đất là do ông S trồng, trong quá trình sử dụng đất cây trồng bị cháy nhiều lần nên ông S có trồng lại cây mới nên có những cây Đào dưới 1m, ngoài ra trên đất cũng có những cây cổ thụ trồng trên 30 năm. Lời trình bày của người bị kiện là không đúng. Ông S không đồng ý kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P và đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

+ Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S là có căn cứ. Nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên buộc UBND thành phố P phải lập phương án bồi thường đối với diện tích 25.856 m² cho ông Nguyễn Văn S là chưa chính xác cần phải sửa bản án về cách tuyên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người bị kiện được làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) về việc bồi thường, hỗ trợ và đồng thời yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố P ban hành quyết định mới về bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi cho ông S.

Tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông S với số tiền 0 đồng. Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông S thì Quyết định này chưa triển khai đến ông, ông chưa nhận được quyết định này. Ông chỉ biết được việc UBND thành phố P thu hồi đất của ông nhưng không ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ nên ông có khiếu nại đến UBND thành phố P yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi.

Ngày 09/4/2021, UBND thành phố P ban hành văn bản số 1320 về việc giải quyết đơn của ông S gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T7 với nội dung: Ngày 08/4/2021, Chủ tịch UBND thành phố P có ý kiến chỉ đạo: Giao Phòng T và Môi trường khẩn trương kiểm tra, tham mưu UBND thành phố giải quyết theo quy định. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thành phố P không tiến hành xem xét giải quyết khiếu nại của ông S. Từ đó, ngày 07/7/2022 ông S không yêu cầu Ủy ban thành phố P giải quyết khiếu nại mà yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu hủy Quyết định số 1963/QĐ- UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông S với số tiền 0 đồng và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông đối với diện tích đất bị thu hồi.

Trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc đã giao quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P cho ông S. Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông S là còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

Đây là quyết định hành chính của UBND huyện P (nay là thành phố P) trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng khởi kiện và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của người bị kiện nhận thấy:

[3.1] Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) được ban hành đảm bảo về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về nguồn đất của ông S bị thu hồi:

Đối với diện tích đất 25.856m² của ông Nguyễn Văn S bị thu hồi để làm Dự án có nguồn gốc từ năm 1989 do ông Tổng Văn C (chú vợ của ông S) sử dụng trồng đào và đến 1996 ông C cho lại ông S theo tờ ủy quyền ngày 09/10/1996 có xác nhận của những người biết nguồn gốc đất và xác nhận của T5 ấp. Theo tờ ủy quyền cho đất thể hiện trên đất có 103 cây Đào; tại biên bản cuộc họp về việc giải quyết khiếu nại số 210, ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P xác định đối với diện tích đất ông S: năm 1986 Ban nông nghiệp xã C có phát động trồng Đào trên diện tích 26.514,5m² (thực tế ông S sử dụng

25.856m²) nói trên. Năm 1989 ông Tống Văn C vào trồng Đào trong khu vực diện tích 26.514,5m² khoảng 2-3 năm Đào bị cháy, khoảng năm 2000 cho lại ông S. Như vậy, có căn cứ từ năm 1989 ông C đã sử dụng đất này và cho lại ông S sử dụng chứ không phải đất Nhà nước quản lý như phía người bị kiện trình bày.

Từ khi ông S được cho đất, ông S sử dụng liên tục và không tranh chấp. Khi Nhà nước có chủ trương đo đạc đại trà đối với đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất chưa có sơ đồ trên địa bàn huyện P, ông S đăng ký và được đo đạc. Căn cứ theo biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 23/8/2006 xác định thửa đất ông S tại thửa số 222, tờ bản đồ số 12, diện tích 28.111 m².

Quá trình sử dụng năm 2015, trên đất ông S có người đốt cháy cây nên ông báo với chính quyền. Ngày 15/4/2015, Công an xã C xuống hiện trường ghi nhận cây Đ bị cháy là 105 cây, gồm: 23 cây Đào có hoành 20cm, 60 cây có hoành 15cm, 22 cây có hoành 10 cm.

Tại biên bản phúc tra ngày 25/9/2015 xác định trên đất ông S có thành quả: Đào loại A: 07 cây (hoành cây 0,6m), Đào loại B: 15 cây (hoành cây 0,3m), Đ loại C: 14 cây, Đ loại D: 520 cây (cao 0,8m), T2 bông vàng B: 06 cây (BL 04). Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh ghi lời khai của những người xung quanh thửa đất biết nguồn gốc đất của ông S như ông Tống Phước H3, Trần Kim L1, Nguyễn Văn T6, Dương Văn C1, Phù Quang H4, Thi Thị Kim H5 (từ BL 41-46) đều thừa nhận diện tích đất trên có nguồn gốc từ năm 1989 do ông Tống Văn C khai phá, đến năm 1996 cho lại ông S sử dụng đến khi bị thu hồi làm dự án. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành giám định tuổi cây Đào trên đất ông S, theo Kết quả giám định số 06/ĐHNL LN ngày 17/02/2023 của Trường Đại học Nông lâm Thành phố N kết luận tuổi cây Điều là 23 năm (BL 54).

Như vậy, với các chứng cứ nêu trên có căn cứ xác định đất ông S có quá trình sử dụng từ năm 1989 (trước ngày 01/7/2004). Quá trình sử dụng liên tục, không bị xử lý về hành vi vi phạm đất đai, khi thu hồi đất không có tranh chấp.

Tuy có quyết định thu hồi đất, nhưng trên thực tế Nhà nước chưa thực hiện quyết định và ông Nguyễn Văn S vẫn tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ diện tích 25.856 m² để trồng đào, không có ai tranh chấp. Theo quy định tại Điều 77 Luật Đất đai năm 2013, Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì ông S đủ điều kiện để được bồi thường về đất đối với toàn bộ diện tích 25.856 m².

Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi của ông Nguyễn Văn S diện tích 25.856 m² và không bồi thường cho ông S với lý do ông S sử dụng diện tích này sau ngày 01/7/2004 là không đúng với thực tế sử dụng đất của ông S. Do đó, Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là

thành phố P) bồi thường, hỗ trợ cho ông S 0 đồng là không đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi diện tích 25.856m² tại ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Văn S sử dụng. Cụ thể: Lập, thẩm định phương án, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn S đối với diện tích đất 25.856m² tại ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang là không phù hợp, nên cần sửa lại việc tuyên án là chỉ cần buộc UBND thành phố P phải thực hiện hành vi công vụ khi thu hồi đất của ông Nguyễn Văn S theo quy định của pháp luật.

Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Giữ y Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ khoản 2 Điều 77, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/0217/NC-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

2. Hủy Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn S với số tiền 0 đồng.

3. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi đất của ông Nguyễn Văn S tại ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 9785 ngày 13/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu (Án – Dụ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Minh Tâm

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công

Nguyễn Văn Minh

Vương Minh Tâm